TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – TUYÊN QUANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2026/HNGĐ-ST
Ngày 03/9/2026
V/v *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lù Xuân Tờ;

2. Bà Triệu Thị Liên.

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Lò Là Cáo – Thư ký viên Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Tuyên Quang tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 03/9/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 91/2026/TLST-HNGĐ ngày 16/04/2026 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/7/2026, Quyết định hoãn phiên toà số: 19/2026/QĐST-HNGĐ ngày 07/8/2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Cháng Thị T, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn N, xã Tr, tỉnh Tuyên Quang; *vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt;*

2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn V, sinh năm: 1991; địa chỉ: Thôn C, xã Tr, tỉnh Tuyên Quang; *vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 07/04/2026, bản tự khai ngày 02/8/2026 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Cháng Thị T trình bày:*

Chị Cháng Thị T và anh Hoàng Văn V tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đăng ký kết hôn ngày 18/6/2015 tại Uỷ ban nhân dân xã C, huyện X, tỉnh Hà Giang (*Nay là Uỷ ban nhân dân xã Tr, tỉnh Tuyên Quang*). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian, đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, lý do vì mỗi người có một quan điểm cách sống khác nhau không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã rất nhiều lần. Việc mâu thuẫn của anh chị mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên bảo nhưng cuộc sống chung của vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc đến nhau nữa. Nay chị T cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chị T đề nghị Toà án cho chị T được ly hôn với anh Hoàng Văn V.

Về con chung: Chị Cháng Thị T và anh Hoàng Văn V có hai đứa con chung tên là: Cháu Hoàng Thị Q, sinh ngày 24/05/2015; cháu Hoàng Xuân H, sinh ngày 07/08/2016. Vợ chồng ly hôn, chị T đề nghị giao cho anh V là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, cháu Q sẽ giao cho chị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T cho biết, hiện tại cháu H đang ở với anh Hoàng Văn V và ông bà nội tại thôn C, xã Tr, tỉnh Tuyên Quang, do anh V và ông bà chăm sóc, còn cháu Q đang ở với chị T tại nhà bố mẹ đẻ chị tại thôn N, xã Tr, tỉnh Tuyên Quang, do chị T chăm sóc và có sự hỗ trợ của ông bà ngoại.

Về tài sản chung, về công nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không đề nghị Toà án giải quyết.

Do tính chất công việc nên chị không tham gia phiên tòa xét xử vụ án Hôn nhân gia đình giữa chị và anh Hoàng Văn V được nên chị T có gửi đơn xin xét xử vắng mặt đến Tòa án với nội dung giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện, chị T có trình bày bổ sung thêm về thu nhập, nơi ở ổn định, việc nuôi dưỡng và chăm sóc con sau khi ly hôn, chị sẽ về ở cùng bố mẹ đẻ là ông Cháng Kháy Ph, bà Ly Thị T tại thôn N, xã Tr, tỉnh Tuyên Quang, ông bà cũng nhất trí đồng ý cho chị và cháu Q trở về chung sống cùng ông bà.

** Tại bản tự khai ngày 05/8/2026 và quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn anh Hoàng Văn V trình bày:* Anh Hoàng Văn V và chị Cháng Thị T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 18/6/2015 tại Uỷ ban nhân dân xã C, huyện X, tỉnh Hà Giang (*Nay là Uỷ ban nhân dân xã Tr, tỉnh Tuyên Quang*). Thời gian đầu cuộc sống hôn nhân tương đối hoà thuận, tuy nhiên đến năm 2024 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã. Từ đó chị T bỏ về nhà ngoại ở, đến nay vợ chồng anh chị không gặp nhau, không gọi điện hỏi thăm nhau, mỗi người một nơi. Hiện nay anh V đi làm ăn xa nhưng vẫn về nhà thường xuyên để chăm lo gia đình, còn chị T không quay trở về nhà lần nào từ năm 2024 đến nay. Từ thời điểm chị T rời khỏi nhà, anh V chưa từng chung sống với người phụ nữ nào khác. Đến hiện tại mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã đến mức trầm trọng, không thể sống chung với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn khả năng hàn gắn. Nay anh V cảm thấy cuộc sống hôn nhân không được hạnh phúc tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy anh đồng ý ly hôn với chị Cháng Thị T.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có hai con chung: Cháu Hoàng Thị Q, sinh ngày 24/05/2015 và cháu Hoàng Xuân H, sinh ngày 07/08/2016.

Anh V thừa nhận cháu Hoàng Thị Q, sinh ngày 24/05/2015 là con chung của anh với chị Cháng Thị T, vì cháu Q sinh trước khi anh chị thực hiện đăng ký kết hôn. Sau khi anh và chị T đăng ký kết hôn xong thì mới thực hiện đăng ký khai sinh cho con chung. Sau khi ly hôn anh V đồng ý với đề nghị của chị T, là giao cháu Hoàng Xuân H, sinh ngày 07/08/2016 cho anh V là người trực tiếp chăm

sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Cháu Hoàng Thị Q, sinh ngày 24/05/2015 sẽ giao cho chị Cháng Thị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng anh chị tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do đang bận đi làm xa nhà, không xin nghỉ để về tham gia phiên tòa theo thời gian đã ấn định được nên anh Hoàng Văn V có gửi đơn xin xét xử vắng mặt đến Tòa án. Anh V giữ nguyên các nội dung về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, công nợ chung và công sức đóng góp như đã trình bày tại bản tự khai và anh V có bổ sung thêm ý kiến theo đơn khởi kiện của chị T và một số người liên quan có nhắc đến việc anh có chung sống với người phụ nữ khác, anh khẳng định sự việc này không có, anh chưa từng chung sống với một người phụ nữ nào khác trong thời kỳ hôn nhân giữa anh V và chị T. Nên anh V kính đề nghị Toà án xem xét.

* Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký Tòa án được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình: Đề nghị Toà án tuyên xử: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cháng Thị T. Đề nghị xử cho chị Cháng Thị T được ly hôn với anh Hoàng Văn V. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị Cháng Thị T và anh Hoàng Văn V. Giao cháu Hoàng Thị Q, sinh ngày 24/05/2015 cho chị Cháng Thị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi. Giao cháu Hoàng Xuân H, sinh ngày 07/08/2016 cho anh V là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T, anh V có quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, công nợ chung: Không đề nghị giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chị Cháng Thị T và anh Hoàng Văn V được miễn án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn chị Cháng Thị T có đơn khởi kiện về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*" với bị đơn anh Hoàng Văn V, anh V có hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã Tr, tỉnh Tuyên Quang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Tuyên Quang.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Cháng Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt với lý do đang bận công việc không xin nghỉ để về tham gia phiên tòa được, nên chị T có đơn xin được giải quyết vắng mặt.

[3] Bị đơn anh Hoàng Văn V có đơn xin xét xử vắng mặt với lý do bận đi làm xa nhà, không xin nghỉ để về tham gia phiên tòa được, nên anh V xin phép được vắng mặt tại phiên tòa xét xử của Tòa án. Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Tuyên Quang đã tiến hành cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự cho các đương sự và tiến hành giải quyết, xét xử vụ án theo thủ tục chung. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Cháng Thị T và bị đơn anh Hoàng Văn V là có căn cứ.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn chị Cháng Thị T, bị đơn anh Hoàng Văn V, các biên bản xác minh với đại diện quản lý thôn, người thân hai bên gia đình chị T, anh V thấy rằng: Sau khi vợ chồng đăng ký kết hôn vào ngày 18/06/2015 tại UBND xã C, huyện X, tỉnh Hà Giang *(nay là xã Tr, tỉnh Tuyên Quang)*, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương và chung sống với nhau tại nhà bố đẻ của anh V là ông Hoàng Văn Long. Thời gian đầu cuộc sống hôn nhân hoà thuận, tuy nhiên đến năm 2024 xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến cãi vã, nhiều lần anh V đuổi chị T ra khỏi nhà, nguyên nhân do anh bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung và anh V hết tình cảm với chị T. Từ năm 2024 đến nay, chị T bỏ nhà đi về nhà ngoại ở, từ đó chị không còn quay trở về nhà chung sống với anh V. Hai vợ chồng anh chị không gặp nhau, không gọi điện hỏi thăm nhau gì, mỗi người một nơi, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Anh V có đi làm ăn xa nhà nhưng thỉnh thoảng vẫn trở về nhà để chăm lo con cái và gia đình. Mâu thuẫn vợ chồng được hai bên gia đình nhiều lần thực hiện nhắc nhở, Khuyên bảo nhưng vẫn không thay đổi. Xét thấy vợ chồng chị T, anh V đã sống ly thân nhau mà không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; người nào biết bổn phận của người đó, không có sự liên lạc, vun đắp, chia sẻ cùng nhau và có sự nghi kỵ lẫn nhau trong hôn nhân. Như vậy là cả hai vợ chồng đều vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc chị T đề nghị giải quyết ly hôn anh V cũng nhất trí. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận sự thỏa thuận về quan hệ hôn nhân của chị Cháng Thị T được ly hôn với anh Hoàng Văn V, ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của anh chị là có cơ sở.

[5] Đối với ý kiến của chị Cháng Thị T và một số người liên quan có nhắc đến việc anh V có chung sống với người phụ nữ khác, qua xác minh trưởng thôn, bố đẻ của anh V xác định được anh V không có chung sống, qua lại và quan hệ bất chính với người phụ nữ nào khác từ trước đến nay. Bên cạnh đó đại diện thôn cũng không nhận được đơn thư hay phản ánh nào của công dân trên địa bàn thôn tố cáo việc anh V qua lại với người phụ nữ khác. Do đó không có cơ sở để xem xét.

[6] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị T, anh V có 02 (*Hai*) con chung là cháu Hoàng Thị Q, sinh ngày 24/05/2015 và cháu Hoàng Xuân H, sinh ngày 07/08/2016. Trường hợp ly hôn chị T và anh V đều có nguyện vọng giao cháu Hoàng Thị Q, sinh ngày 24/05/2015 cho chị Cháng Thị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi. Giao cháu Hoàng Xuân H, sinh ngày 07/08/2016 cho anh Hoàng Văn V là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Hiện nay cháu Q đang ở cùng với chị T và ông bà ngoại do chị và ông bà chăm sóc, ngoài ra ông bà ngoại cũng đồng ý việc chị T và cháu Q trở về và cùng chị T chăm sóc cháu, còn cháu H đang ở cùng với anh V và ông bà nội do anh và ông bà chăm sóc. Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với nguyện vọng của con chung và bảo đảm sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của con, nên căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, cần giao cháu Hoàng Thị Q, sinh ngày 24/05/2015 cho chị Cháng Thị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi. Giao cháu Hoàng Xuân H, sinh ngày 07/08/2016 cho anh Hoàng Văn V là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi là phù hợp. Chị Cháng Thị T và anh Hoàng Văn V được quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở.

[7] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Cháng Thị T và bị đơn anh Hoàng Văn V có ý kiến là không yêu cầu bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy ý kiến đề nghị của các bên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên cần được Hội đồng xét xử ghi nhận. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

[8] Về tài sản chung, công nợ chung và công sức đóng góp: Các bên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần đề cập xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[9] Ý kiến, quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Tuyên Quang tại phiên tòa là có căn cứ cần được chấp nhận.

[10] Về án phí: Chị Cháng Thị T và anh Hoàng Văn V thuộc trường hợp được miễn án phí ly hôn sơ thẩm và đều có đơn xin miễn án phí nên chị T và anh V được miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị

quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[11] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Cháng Thị T, bị đơn anh Hoàng Văn V có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 3 Điều 4, khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện ly hôn của chị Cháng Thị T và anh Hoàng Văn V.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Thị Q, sinh ngày 24/05/2015 cho chị Cháng Thị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi. Giao cháu Hoàng Xuân H, sinh ngày 07/08/2016 cho anh Hoàng Văn V là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Chị T và anh V không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm non con mà không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, vì quyền lợi của con chung sau này một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

3. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Cháng Thị T và bị đơn anh Hoàng Văn V được miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Cháng Thị T, bị đơn anh Hoàng Văn V vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 4, 6, 7 và 36 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 34 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND Khu vực 6 – Tuyên Quang;
- UBND xã Tr, tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Trọng Khánh